TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 01 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Ông Nguyễn Văn Sỹ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 978/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1974

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thảo N, sinh năm: 1970

Cùng nơi cư trú: Thôn T, xã M, thành phố QN, tỉnh BĐ.

(*Chị C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh N vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** N*guyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc C*:**

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023 và các lời khai tiếp theo chị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Thảo N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào ngày 28/6/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Chị nhiều lần khuyên can nhưng anh N không thay đổi mà còn đánh chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Bá P1, sinh năm: 1995 và Nguyễn Bá P2, sinh năm: 1998. Hiện nay các cháu P1 và P2 đã trưởng thành và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thảo N*:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa, anh N cũng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc C được ly hôn anh Nguyễn Thảo N; về con chung và tài sản chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Thảo N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc C và anh Nguyễn Thảo N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định vào ngày 28/6/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị C và anh N đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị C, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Điều này chứng tỏ anh N không có thiện chí muốn hòa hợp. HĐXX xét: Hôn nhân của chị C, anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá P1, sinh năm: 1995 và Nguyễn Bá P2, sinh năm: 1998. HĐXX xét: Các cháu P1 và P2 hiện nay đã trưởng thành và tự lập được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc C ly hôn anh Nguyễn Thảo N.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Bá P1, sinh năm: 1995 và Nguyễn Bá P2, sinh năm: 1998. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập được nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị C không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000693 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Quy Nhơn. Chị C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND xã Phước Thành, huyện Tuy Phước (GCNKH số 23, ngày 28/6/1996);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Huy Huệ